

Số: 24 /2009/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2009

THÔNG TƯ

Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Thông tư này không áp dụng đối với xe máy chuyên dùng của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

Điều 3. Danh mục xe máy chuyên dùng phải đăng ký

Danh mục xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ (sau đây gọi chung là xe máy chuyên dùng) phải đăng ký theo Phụ lục 1 của Thông tư này.

Chương II

CẤP ĐĂNG KÝ LẦN ĐẦU

Mục I

HỒ SƠ

Điều 4. Danh mục hồ sơ đăng ký xe máy chuyên dùng

1. Tờ khai cấp đăng ký.
2. Chứng từ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng.
3. Chứng từ nguồn gốc xe máy chuyên dùng.
4. Chứng từ lệ phí trước bạ.

Điều 5. Tờ khai cấp đăng ký

Tờ khai cấp đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này.

Điều 6. Chứng từ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng

1. Chứng từ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng là một trong những chứng từ sau:

a) Quyết định hoặc hợp đồng mua bán kèm hoá đơn theo quy định của Bộ Tài chính;

b) Giấy bán, cho, tặng theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này;

c) Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;

d) Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu.

đ Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền;

e) Văn bản phát mại theo quy định của pháp luật;

g) Lệnh xuất hàng của Cục dự trữ quốc gia. Trường hợp lệnh xuất hàng cho nhiều xe máy chuyên dùng thì mỗi xe phải có một bản sao được chứng thực của cơ quan có thẩm quyền;

2. Trường hợp mua bán hoặc cho, tặng qua nhiều người, khi làm thủ tục đăng ký, chỉ cần chứng từ mua bán, cho, tặng lần cuối cùng.

Điều 7. Chứng từ nguồn gốc

1. Đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước là phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của cơ sở sản xuất.

2. Đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu là tờ khai hàng hoá nhập khẩu theo mẫu quy định của Bộ Tài chính.

3. Đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo:

Ngoài chứng từ quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này phải có thêm biên bản nghiệm thu xuất xưởng của cơ sở được phép cải tạo. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có chứng từ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã cấp đăng ký, phải có tờ khai xoá sổ đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư này.

4. Đối với xe máy chuyên dùng không có nguồn gốc hợp pháp đã được cơ quan có thẩm quyền xử lý phải có quyết định xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Chứng từ lệ phí trước bạ

Chứng từ nộp hoặc miễn nộp lệ phí trước bạ theo quy định của Bộ Tài chính. Trường hợp nhiều xe chung một chứng từ nộp lệ phí trước bạ thì mỗi xe máy chuyên dùng phải có bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

Mục II

THỦ TỤC, THỜI GIAN CẤP ĐĂNG KÝ

Điều 9. Trình tự thủ tục

1. Nộp hồ sơ đăng ký

a) Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký là Sở Giao thông vận tải nơi chủ sở hữu có trụ sở chính hoặc đăng ký thường trú.

b) Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải trực tiếp nộp hồ sơ đăng ký và phải xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu; trường hợp không chính chủ thì phải có giấy ủy quyền của chủ xe có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; trường hợp đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức.

c) Người nộp hồ sơ làm thủ tục đăng ký kê tờ khai đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này, hoàn thiện hồ sơ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

2. Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn người nộp hồ sơ đăng ký hoàn thiện hồ sơ (nếu cần).

3. Kiểm tra xe máy chuyên dùng:

a) Địa điểm kiểm tra: theo thỏa thuận với chủ sở hữu. Trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động (hoặc quản lý) ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, Sở Giao thông vận tải nơi cấp đăng ký tiếp nhận hồ sơ đăng ký và giới thiệu chủ sở hữu liên hệ với Sở Giao thông vận tải nơi xe máy chuyên dùng đang hoạt động (hoặc quản lý) để kiểm tra;

b) Nội dung kiểm tra ghi trong phiếu kiểm tra theo quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư này.

4. Thời gian cấp đăng ký, biển số

Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải cấp đăng ký, biển số cho chủ sở hữu và vào sổ quản lý theo mẫu quy định tại Phụ lục 6; trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Chương III

CẤP ĐĂNG KÝ CÓ THỜI HẠN

Điều 10. Đối tượng

Xe máy chuyên dùng được tạm nhập, tái xuất thuộc các chương trình dự án của nước ngoài đầu tư tại Việt Nam, các dự án ODA đầu tư tại Việt Nam phải thực hiện cấp đăng ký có thời hạn khi tham gia giao thông đường bộ.

Điều 11. Hồ sơ

1. Tờ khai đăng ký có thời hạn theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 của Thông tư này.
2. Bản sao giấy phép đầu tư của chủ dự án nước ngoài đầu tư tại Việt Nam có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.
3. Chứng từ nguồn gốc theo quy định tại khoản 1 hoặc 2 Điều 7 của Thông tư này.
4. Chứng từ nộp lệ phí trước bạ theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

Điều 12. Hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn

Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng theo thời hạn của giấy phép đầu tư của chủ dự án nước ngoài đầu tư tại Việt Nam.

Điều 13. Thủ tục, thời gian cấp đăng ký có thời hạn

Trình tự, thủ tục, thời gian cấp đăng ký có thời hạn quy định tại Mục II Chương II của Thông tư này.

Chương IV

ĐỔI, CẤP LẠI ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ VÀ CẤP ĐĂNG KÝ TẠM THỜI

Điều 14. Đổi đăng ký, biển số

1. Chủ sở hữu có xe máy chuyên dùng đã cải tạo, thay đổi màu sơn hoặc có giấy chứng nhận đăng ký, biển số bị hỏng làm thủ tục đổi tại Sở Giao thông vận tải nơi đã cấp theo đúng sổ đăng ký biển số đã cấp.

2. Hồ sơ gồm:

- a) Tờ khai đổi đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 của Thông tư này;

- b) Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp;
- c) Biển số xe máy chuyên dùng (trường hợp bị hỏng).

Điều 15. Cấp lại đăng ký, biển số

1. Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng bị mất giấy chứng nhận đăng ký hoặc biển số làm thủ tục cấp lại tại Sở Giao thông vận tải nơi đã cấp theo đúng số đăng ký biển số đã cấp.

2. Hồ sơ gồm:

- a) Tờ khai cấp lại đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 của Thông tư này;
- b) Đơn trình báo mất có xác nhận của cơ quan công an.

Điều 16. Cấp đăng ký tạm thời

1. Đối với xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời. Chủ sở hữu lập tờ khai theo mẫu quy định tại Phụ lục 9 của Thông tư này tại Sở Giao thông vận tải nơi xe máy chuyên dùng chuyên đi để được cấp đăng ký tạm thời.

2. Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng tạm thời theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 của Thông tư này, có thời hạn 20 ngày kể từ ngày cấp; nếu hết hạn thì được gia hạn một lần không quá 20 ngày.

Điều 17. Thời gian cấp đổi, cấp lại, cấp đăng ký tạm thời

1. Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp đổi, cấp đăng ký tạm thời cho chủ sở hữu; trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Trường hợp cấp lại giấy chứng nhận đăng ký, biển số: Sau 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 15, nếu không có tranh chấp, Sở Giao thông vận tải cấp lại đăng ký, biển số cho chủ sở hữu.

Chương V

SANG TÊN, DI CHUYỂN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Điều 18. Sang tên đăng ký trong cùng một tỉnh, thành phố

1. Trường hợp xe máy chuyên dùng được mua bán, cho, tặng, thừa kế trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra xe máy chuyên dùng theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Thông tư này và cấp giấy chứng nhận đăng ký theo tên của chủ sở hữu mới, giữ nguyên biển số cũ đã cấp.

2. Hồ sơ gồm:

a) Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Một trong các chứng từ theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 6 và Điều 8 của Thông tư này.

Điều 19. Di chuyển đăng ký, sang tên chủ sở hữu

Chủ sở hữu xe có xe máy chuyên dùng mua bán hoặc được cho, tặng, thừa kế khác tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương làm thủ tục di chuyển đăng ký, sang tên như sau:

1. Thủ tục tại Sở Giao thông vận tải nơi di chuyển đăng ký đi:

a) Hồ sơ gồm: Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định tại Phụ lục 11 của Thông tư này; một trong các chứng từ theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 6 của Thông tư này;

b) Sở Giao thông vận tải cấp phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định tại Phụ lục 12 của Thông tư này, thu lại biển số, cắt góc phía trên bên phải giấy chứng nhận đăng ký, vào sổ quản lý và trả hồ sơ cho chủ sở hữu.

2. Thủ tục đăng ký tại Sở Giao thông vận tải nơi chuyển đến:

a) Hồ sơ đăng ký bao gồm: tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này; một trong các chứng từ theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 6 và Điều 8 của Thông tư này; phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định tại Phụ lục 12 của Thông tư này kèm theo hồ sơ đã đăng ký;

b) Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, tiến hành kiểm tra xe máy chuyên dùng theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Thông tư này và cấp đăng ký, biển số cho chủ sở hữu.

3. Đối với trường hợp di chuyển đăng ký không thay đổi chủ sở hữu: thủ tục, hồ sơ như khoản 1 và khoản 2 Điều này nhưng không phải kèm theo một trong các chứng từ quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 6 và Điều 8 của Thông tư này.

Điều 20. Thời gian làm thủ tục di chuyển, sang tên đăng ký

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải thực hiện việc di chuyển, sang tên đăng ký xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu; trường hợp không di chuyển, sang tên đăng ký xe máy chuyên dùng, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Chương VI

MÃ SỐ, GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ BIỂN SỐ ĐĂNG KÝ

Điều 21. Mã số đăng ký

Mã số đăng ký cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được quy định thống nhất theo mã số đăng ký xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ tại Phụ lục 13 của Thông tư này.

Điều 22. Giấy chứng nhận đăng ký

1. Mẫu giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng quy định tại Phụ lục 14 của Thông tư này.

2. Mẫu giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng có thời hạn quy định tại Phụ lục 15 của Thông tư này.

Điều 23. Biển số đăng ký

Biển số đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định tại Phụ lục 16 của Thông tư này.

Chương VII

XOÁ SỔ, THU HỒI ĐĂNG KÝ

Điều 24. Xoá sổ đăng ký

1. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày chủ sở hữu có xe máy chuyên dùng thanh lý, bị mất, bán ra nước ngoài hoặc tái xuất ra nước ngoài phải làm thủ tục xoá sổ đăng ký tại Sở Giao thông vận tải nơi đã đăng ký.

2. Chủ sở hữu lập tờ khai theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư này và nộp lại giấy chứng nhận đăng ký, biển số (trừ trường hợp bị mất).

3. Sở Giao thông vận tải xoá sổ đăng ký và xác nhận vào tờ khai trong thời gian không quá 02 ngày kể từ ngày nhận tờ khai.

Điều 25. Thu hồi đăng ký, biển số

1. Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng đã cấp sẽ bị thu hồi khi phát hiện có vi phạm quy định về cấp đăng ký, biển số theo quy định của Thông tư này.

2. Sở Giao thông vận tải có quyết định thu hồi đăng ký, biển số đã cấp, thông báo cho cơ quan có liên quan tại địa phương biết và báo cáo Tổng Cục Đường bộ Việt Nam.

Chương VIII

XỬ LÝ CÁC TRƯỜNG HỢP PHÁT SINH TRONG CẤP ĐĂNG KÝ

Điều 26. Trường hợp đóng mới, đóng lại số động cơ và số khung

1. Khi kiểm tra phát hiện động cơ, khung của xe máy chuyên dùng không có số hoặc số bị mờ, Sở Giao thông vận tải đóng mới, đóng lại số động cơ, số khung và ghi vào phiếu kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư này.

2. Việc đóng mới, đóng lại số động cơ, số khung thực hiện như sau:

a) Đóng mới khi trên hồ sơ và kiểm tra thực tế xe máy chuyên dùng không có số động cơ, số khung theo phương pháp quy định tại Phụ lục 17 của Thông tư này;

b) Đóng lại số động cơ, số khung bị mờ theo đúng số động cơ, số khung trong hồ sơ của xe máy chuyên dùng.

3. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu tự đóng lại hoặc tẩy xóa số động cơ, số khung chủ sở hữu phải đến cơ quan có thẩm quyền để giám định theo quy định của pháp luật. Trường hợp kết quả xác định số khung, số động cơ đã bị đóng lại, tẩy xóa thì sẽ trả lại hồ sơ, chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 27. Xử lý các trường hợp vướng mắc về hồ sơ

1. Trường hợp chủ sở hữu xe máy chuyên dùng không có chứng từ nguồn gốc theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này hoặc mất toàn bộ hồ sơ di chuyển:

a) Chủ sở hữu lập bản cam đoan theo mẫu quy định tại Phụ lục 18 và thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng trong 03 lần liên tiếp tại địa phương theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 của Thông tư này;

b) Sau 07 ngày kể từ ngày thông báo công khai lần cuối, nếu không có tranh chấp, Sở Giao thông vận tải làm thủ tục cấp đăng ký cho chủ sở hữu. Trường hợp mất do thiên tai, hoả hoạn có giấy xác nhận của chính quyền địa phương thì không phải thực hiện thông báo công khai;

2. Trường hợp chủ sở hữu xe máy chuyên dùng mất một trong số giấy tờ đã kê trong phiếu di chuyển của hồ sơ di chuyển:

a) Chủ sở hữu lập bản cam đoan theo mẫu quy định tại Phụ lục 18 của Thông tư này;

b) Sau 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải làm thủ tục cấp đăng ký cho chủ sở hữu.

3. Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng nêu tại khoản 1 Điều này không được bán, cầm cố, thế chấp xe máy chuyên dùng này trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số.

Điều 28. Xử lý trường hợp phát sinh khi di chuyển, sang tên đăng ký

1. Đối với xe máy chuyên dùng đã di chuyển đăng ký, nhưng chủ sở hữu chưa làm thủ tục đăng ký tại nơi đến đã bán tiếp cho người khác, Sở Giao thông vận tải nơi người mua, tiếp nhận hồ sơ và làm thủ tục cấp đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Thông tư này.

2. Sau khi cấp đăng ký, Sở Giao thông vận tải nơi cấp đăng ký gửi thông báo đến Sở Giao thông vận tải nơi di chuyển đi biết để điều chỉnh trong sổ quản lý đăng ký.

Chương IX QUY ĐỊNH TRÁCH NHIỆM

Điều 29. Tổng Cục Đường bộ Việt Nam

1. Thống nhất quản lý công tác cấp đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng trong phạm vi toàn quốc.

2. Quản lý việc phát hành phôi giấy chứng nhận đăng ký, biển số và bộ đóng số động cơ, số khung xe máy chuyên dùng.

3. Kiểm tra các Sở Giao thông vận tải thực hiện các quy định của Thông tư này.

Điều 30. Sở Giao thông vận tải

1. Tổ chức thực hiện việc cấp, thu hồi đăng ký, biển số theo quy định của Thông tư này tại địa phương.

2. Quản lý hồ sơ đăng ký:

a) Lưu và quản lý hồ sơ đăng ký gồm hồ sơ cấp đăng ký lần đầu, cấp đăng ký có thời hạn, cấp đổi, cấp lại, cấp đăng ký tạm thời; sang tên, di chuyển đăng ký; xóa sổ, thu hồi đăng ký, biển số và các loại giấy tờ khác có liên quan đến việc cấp, thu hồi đăng ký, biển số;

b) Các trường hợp mất hoặc có sự gian lận trong quản lý hồ sơ lưu tại Sở Giao thông vận tải sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật;

c) Sổ quản lý cấp đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 của Thông tư này.

3. Thu, nộp và sử dụng các khoản phí, lệ phí về cấp đăng ký theo quy định của Bộ Tài chính.

4. Báo cáo Tổng Cục Đường bộ Việt Nam về nhu cầu phôi giấy chứng nhận đăng ký và biển số theo mẫu quy định tại Phụ lục 20 của Thông tư này.

5. Tháng 01 hàng năm, báo cáo công tác cấp đăng ký, biển số theo mẫu quy định tại Phụ lục 21 của Thông tư này về Tổng Cục Đường bộ Việt Nam để tổng hợp báo cáo Bộ Giao thông vận tải.

Điều 31. Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng

1. Thực hiện các quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số của thông tư này; chịu trách nhiệm pháp luật về các hành vi làm sai lệch hồ sơ đăng ký (nếu có).

2. Nộp các khoản phí, lệ phí về đăng ký xe máy chuyên dùng theo quy định của Bộ Tài chính.

Chương X **HIỆU LỰC THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 4381/2001/QĐ-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy định cấp đăng ký, biển số, kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ.

2. Xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, biển số trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành vẫn được tiếp tục sử dụng tham gia giao thông đường bộ.

Điều 33. Tổ chức thực hiện

1. Tổng Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Tổng Cục trưởng Tổng Cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 33;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Website Chính phủ, Website Bộ GTVT;
- Lưu: VT, KHCN.

BỘ TRƯỞNG

Hồ Nghĩa Dũng



Phu lục Thông tư